

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 495/2018/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Ngọc A, xã Phú T, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Bị đơn: Chị Phan Thị Hồng H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số nhà 3, kiết 14, hẻm 15 đường An N, phường Hương L, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Tiến D và chị Phan Thị Hồng H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Về con chung: Anh Nguyễn Tiến D và chị Phan Thị Hồng H có một người con chung tên là: Nguyễn Phan Tiến H, sinh ngày 04/10/2015. Hiện nay cháu H đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh D và chị H thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Phan Tiến H cho chị Phan Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh Nguyễn Tiến D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng), thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Phan Tiến H trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

* Về tài sản chung: Anh D và chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Anh D, chị H xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí ly hôn: Anh Nguyễn Tiến D và chị Phan Thị Hồng H mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng anh Nguyễn Tiến D tự nguyện nộp thay tiền án phí cho chị Phan Thị Hồng H. Như vậy, số tiền án phí ly hôn mà anh Nguyễn Tiến D phải chịu là 150.000 đồng.

+ Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Cả 02 khoản tiền án phí mà anh Nguyễn Tiến D phải chịu được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh Nguyễn Tiến D đã nộp theo biên lai thu tiền số 005963 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Tiến D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND TP. Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Thượng, Phú Vang, TT Huế;
- (Anh D- chị Hh) ĐKKH ngày 29/12/2014)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Mai Thị Mộng Trinh